UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 275/QĐ-UBND	*Phú Thọ, ngày 13 tháng 02 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt danh sách học sinh THPT được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016, Học kỳ II năm học 2022 - 2023

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ về quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh Phú Thọ về việc quy định khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh trường phổ thông dân tộc bán trú và trường phổ thông có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh là đối tượng hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Phú Thọ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 06/TTr-SGD&ĐT ngày 07/02/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách 1.471 học sinh trung học phổ thông được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016, Học kỳ II năm học 2022 - 2023, Chi tiết theo Phụ biểu 01, 02 kèm theo.

Điều 2. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính căn cứ chức năng nhiệm vụ hướng dẫn các trường trung học phổ thông triển khai, thực hiện việc chi trả chính sách hỗ trợ cho học sinh theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan: Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính; Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các đối tượng tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Đại Dũng

HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2022-2023

(Kèm theo (Kèm theo Quyết định số: 275/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ))

Đơn vị tính: Nghìn đồng

STT	Tên trường	Tổng số học sinh diện chính sách	Nhu cầu cấp hỗ trợ gạo			Số gạo đã cấp dư từ kỳ học trước	**Số gạo đề nghị cấp kỳ II**	Nhu cầu kinh phí thực hiện								**Tổng nhu cầu kinh phí (Nghìn đồng)**
								Hỗ trợ tiền ăn				Hỗ trợ tiền nhà ở				
			Số học sinh	Số tháng	Nhu cầu cấp gạo (kg)			Số học sinh	Mức hỗ trợ (nghìn đồng/ tháng)	Số tháng	Nhu cầu kinh phí (nghìn đồng)	Số học sinh	Mức hỗ trợ (nghìn đồng/ tháng)	Số tháng	Nhu cầu kinh phí (nghìn đồng)	
	Tổng cộng	**1,471**	**1,471**		**110,325**	**0**	**110,325**	**1,471**			**4,383,580**	**1,471**			**1,095,895**	**5,479,475**
1	THPT Cẩm Khê	1	1	5	75		75	1	596	5	2,980	1	149	5	745	3,725
2	THPT Chân Mộng	4	4	5	300		300	4	596	5	11,920	4	149	5	2,980	14,900
3	THPT Chuyên Hùng Vương	1	1	5	75		75	1	596	5	2,980	1	149	5	745	3,725
4	THPT Đoan Hùng	4	4	5	300		300	4	596	5	11,920	4	149	5	2,980	14,900
5	THPT Hạ Hòa	3	3	5	225		225	3	596	5	8,940	3	149	5	2,235	11,175
6	THPT Hương Cần	165	165	5	12,375		12,375	165	596	5	491,700	165	149	5	122,925	614,625
7	THPT Lương Sơn	163	163	5	12,225		12,225	163	596	5	485,740	163	149	5	121,435	607,175
8	THPT Minh Đài	160	160	5	12,000		12,000	160	596	5	476,800	160	149	5	119,200	596,000
9	THPT Minh Hòa	92	92	5	6,900		6,900	92	596	5	274,160	92	149	5	68,540	342,700
11	THPT Phương Xá	2	2	5	150		150	2	596	5	5,960	2	149	5	1,490	7,450
12	THPT Quế Lâm	1	1	5	75		75	1	596	5	2,980	1	149	5	745	3,725

13	THPT Tân Sơn	445	445	5	33,375		33,375	445	596	5	1,326,100	445	149	5	331,525	1,657,625
14	THPT Thanh Sơn	31	31	5	2,325		2,325	31	596	5	92,380	31	149	5	23,095	115,475
15	THPT Thanh Thủy	6	6	5	450		450	6	596	5	17,880	6	149	5	4,470	22,350
16	THPT Trung Nghĩa	2	2	5	150		150	2	596	5	5,960	2	149	5	1,490	7,450
17	THPT Văn Miếu	231	231	5	17,325		17,325	231	596	5	688,380	231	149	5	172,095	860,475
18	THPT Yên Lập	159	159	5	11,925		11,925	159	596	5	473,820	159	149	5	118,455	592,275
19	THPT Việt Trì	1	1	5	75		75	1	596	5	2,980	1	149	5	745	3,725